TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2018/HNGĐ-ST Ngày: 07/6/2018 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Đông Cúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Bé.

Bà Phan Thị Bé Sáu.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Bảo Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa***: Bà Hồ Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 07/6/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017. Về việc*"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐST – HNGĐ, ngày 27 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22/5/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Lâm Văn L**, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Chị **Kiều Thị N**, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Anh L có mặt, chị N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 23/10/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Lâm Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lâm Văn L (sau đây gọi tắt là anh L) và chị Kiều Thị N (sau đây gọi tắt là chị N) sống chung với nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn (giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 146 quyển số 01) tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 15/9/2004. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng thời gian đầu cũng rất hạnh phúc, tuy nhiên sau đó phát sinh mâu

thuẫn và đã ly thân với nhau từ năm 2010 đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã quá trầm trọng, tình cảm đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy anh L yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 02 người con chung là Lâm Văn L1, sinh ngày 09/5/2001 và **Lâm Thị Như Y**, sinh ngày 08/7/2008. Hiện tại, cháu L1 và cháu Như Y đang sống với anh L. Khi ly hôn anh L yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh L trình bày không có.

Về nợ chung: Anh L trình bày không có.

Tại phiên tòa hôm nay, anh L vẫn giữ nguyên theo yêu cầu khởi kiện ban đầu, không có ý kiến gì thêm

- Bị đơn chị Kiều Thị N vắng mặt tại phiên tòa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N không có văn bản ý kiến gởi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Xét anh L khởi kiện xin ly hôn với chị N hiện nay đang trú tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho chị N biết về nội dung yêu cầu xin ly hôn của anh L đối với chị N, sau đó niêm yết, tống đạt các thủ tục tố tụng cho chị N đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng đến nay chị N không có mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu trên. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N là đúng quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh L có đơn xin ly hôn với chị N và yêu cầu được nuôi con chung, tài sản chung không có, nợ chung không có nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là: "Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Điều 56, Điều 58, Luật hôn nhân và gia đình 2014;

[4] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân anh L và chị N tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị đã có khoảng thời gian chung sống hạnh phúc tuy nhiên sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị N thường xuyên cờ bạc, không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình mặc dù anh L đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng chị N vẫn không thay đổi. Đến năm 2010 thì vợ chồng ly thân với nhau cho đến nay. Nay anh L yêu cầu ly hôn với chị N.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh L và chị N ly thân từ năm 2010 đến nay, vợ chồng anh chị không tự hàn gắn lại được, gia đình hai bên cũng không hàn gắn cho anh chị. Mặt khác, chị N không có ý kiến đối với yêu cầu của anh L và cũng không đến Tòa án theo các lần triệu tập nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ cho anh chị. Điều đó chứng minh chị N không có thiện chí hàn gắn tình cảm với anh L. Nay anh L cương quyết ly hôn với chị N. Xét thấy hôn nhân của vợ chồng anh chị ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh L là hoàn toàn chính đáng, phù hợp. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L đối với chị N.

[5] Về con chung: Trong thời gian chung sống thì anh L và chị N có hai người con chung là Lâm Văn L1, sinh ngày 09/5/2001 và Lâm Thị Như Y, sinh ngày 08/7/2008. Hiện tại, cháu L1 và cháu Như Y đang sống với anh L. Khi ly hôn anh L yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Do trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị N không có ý kiến, tại phiên tòa hôm nay chị N vắng mặt, xét thấy từ khi anh chị ly thân đến nay hai cháu L1 và cháu Y sống với anh L, hơn nữa nguyện vọng của hai cháu là được sống với anh L. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của hai cháu, căn cứ vào Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận theo nguyện vọng của hai cháu cháu L1 và cháu Y được tiếp tục sống với anh L. Do đó anh L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Lâm Văn L1 và Lâm Thị Như Y. Do anh L không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Anh L trình bày không có, trong quá trình giải quyết vụ án chị N không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp tài sản chung giữa anh L và chị N sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[7] Về nợ chung: Anh L trình bày không có, trong quá trình giải quyết vụ án chị N không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp nợ chung giữa anh L, chị N với người khác sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[8] *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông phát biểu:* Về việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa sơ thẩm, trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Về ý kiến giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; Về con chung: giao cháu L1 và cháu Y cho anh L nuôi dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung: anh L không yêu cầu giải quyết. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lâm Văn L được ly hôn với chị Kiều Thị N.

2/- Về con chung: Anh Lâm Văn L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung là cháu Lâm Văn L1, sinh ngày 09/5/2001 và Lâm Thị Như Y, sinh ngày 08/7/2008 hiện cháu L1 và cháu Y đang sống với anh Lâm Văn L. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con (do anh Lâm Văn L không yêu cầu). Chị Kiều Thị N được quyền đến thăm nom và chăm sóc cháu L1 và cháu Y, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

3/- Về án phí:

- Anh Lâm Văn L phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Lâm Văn L đã nộp theo biên lai số BN/2013 17039, quyển số 341 ngày 30 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Anh Lâm Văn L đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Chị Kiều Thị N không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn. Báo cho nguyên đơn được biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Châu Thị Đông Cúc